TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15 /2018/HNGĐ-ST Ngày: 28- 02 -2018 V/v tranh chấp "Ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Đỗ Thị Thúy Năng.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Huỳnh Thanh Trà.**

2. Bà **Lê Lâm Phương.**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Phạm Lê Mai Ly**, Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Ông **Nguyễn Văn Quốc** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2018/QĐST - HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Lê H** - sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ a, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (có mặt).

2. *Bị đơn*: Ông **Hồ T** - sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ b, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng, (vắng mặt lần 2).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, theo lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nội dung vụ án như sau:

*** Về quan hệ hôn nhân:** Bà Lê H và ông Hồ T kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại địa chỉ Tổ b, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Trong quá trình chung sống, bà H cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T thiếu trách nhiệm với gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi, mượn nợ bên ngoài để tiêu xài cá nhân. Mâu thuẫn trầm trọng và không hòa giải được. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

*** Về con chung:** Bà Lê H xác định vợ chồng có một con chung tên Hồ B - sinh ngày 30 tháng 7 năm 2009.

Ly hôn, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

*** Về tài sản chung:** Bà H xác định không có tài sản chung.

*** Về nợ chung:** Bà H xác định không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Ông Hồ T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa, nhưng ông T vắng mặt lần 2 không có lý do, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Bà Lê H và ông Hồ T kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H đối với ông T thì thấy: Ông T thường xuyên không có ở nhà chăm sóc vợ con, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng yêu cầu ông T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, nhưng ông T đều vắng mặt, không thể hiện thiện chí đoàn tụ gia

đình. Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà H xác định: Bà và ông T có một con chung tên Hồ B - sinh ngày 30 tháng 7 năm 2009.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa, bà H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu của bà H về việc nuôi con chung thì thấy: Cháu Hồ B hiện nay đang sống với bà H , do bà trực tiếp chăm sóc. Mặt khác, cháu Hồ B có nguyện vọng được sống chung với bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tòa tham gia phiên hòa giải nhiều lần nhưng ông T không đến nên không xác định được nguyện vọng của ông T. Do vậy, HĐXX thấy cần áp dụng các điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Hồ B cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung bà H không yêu cầu, nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà H xác định không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà H xác định không có nợ chung.

Án phí HNGĐ - ST bà H phải chịu: 300.000đ.

Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 784.000đ bà H chịu (đã nộp, đã chi).

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê H đối với ông Hồ T; Về con chung: giao con chung Hồ B - sinh ngày 30 tháng 7 năm

2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Án phí HNGĐ bà H phải chịu theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 227 BLTTDS;

- Điều 56, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê H về việc: *"Ly hôn"* với ông Hồ T.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà Lê H được ly hôn với ông Hồ T .

2. Về quan hệ con chung:

Xử: Giao con chung tên Hồ B - sinh ngày 30 tháng 7 năm 2009 cho bà Lê H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hồ T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà H xác định không có.

4. Về nợ chung: Bà H xác định không có.

5. Án phí HNGĐ - ST: 300.000đ bà Lê H phải chịu, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí HNGĐ bà H đã nộp theo biên lai thu số 9817 ngày 17/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng. Bà H đã nộp đủ án phí HNGĐ - ST.

6. Chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 784.000đ bà H chịu (đã nộp, đã chi).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự , người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bà H có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) trích sao bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- UBND phường H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Thị Thúy Năng